

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	2 - 3
BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG	4
THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	5 - 28



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
VNDIRECT**

V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

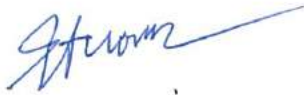
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Chúng tôi cam đoan rằng:

- Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 ("Thông tư 87") của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;
- Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.



Nguyễn Hà Ninh
Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hương
Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ



Phạm Minh Hương
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

Số: 260 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (gọi tắt là "Công ty") tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 bao gồm các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 14 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 4 đến trang 28.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này phù hợp với các quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 ("Thông tư 87") của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, và thực hiện các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

125
VG
IEM I
017
NA
TP

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, phù hợp với các quy định về lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính theo quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Chính sách lập báo cáo và giới hạn về đối tượng nhận và sử dụng báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính về quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính được lập để giúp Công ty đáp ứng các yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền. Vì thế, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.



Trần Thị Thủy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0031-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 8 năm 2018
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	30/6/2018 Giá trị rủi ro/Vốn khả dụng
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường (VND)	5(a)	203.378.355.450
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán (VND)	5(b)	340.440.492.286
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động (VND)	5(c)	218.066.902.159
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3) (VND)		761.885.749.895
5	Vốn khả dụng (VND)	4	2.434.470.734.156
6	Tỷ lệ Vốn khả dụng (6=5/4) (%)		319,5%



Nguyễn Hà Ninh
Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hương
Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ



Phạm Minh Hương
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

C.T. 4N
NOI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo

1. Đơn vị báo cáo**(a) Cơ sở thành lập**

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014521 ngày 7 tháng 11 năm 2006. Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 101/UBCK-GP ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 38/GPĐC-UBCK ngày 01 tháng 6 năm 2018.

Địa chỉ liên hệ của Công ty tại số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

Điều lệ hoạt động của Công ty được ban hành ngày 25 tháng 9 năm 2006 và được sửa đổi, bổ sung lần gần nhất vào ngày 20 tháng 4 năm 2018.

(b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 2.204.301.690.000 VND (31/12/2017: 1.549.981.650.000 VND).

(c) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, ký quỹ chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

(d) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(e) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 830 nhân viên (31/12/2017: 740 nhân viên).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có một (01) công ty con (31/12/2017: 01 công ty con).

(f) Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Phạm Minh Hương	Chủ tịch
Ông Vũ Hiền	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên
Ông Phạm Lê Nhật Quang	Thành viên
Ông Christopher Bertram Brinkeborn Beselin	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo

Bà Phạm Minh Hương	Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 21 tháng 4 năm 2018)
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Tổng giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 21 tháng 4 năm 2018)
Ông Trần Vũ Thạch	Giám đốc điều hành
Ông Hoàng Minh Châu	Giám đốc Công nghệ Thông tin
Bà Vũ Nam Hương	Giám đốc Tài chính
Bà Nguyễn Hà Ninh	Kế toán trưởng

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH VÀ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG BÁO CÁO**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập để Công ty tuân thủ các quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 ("Thông tư 87") của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính. Do đó, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và việc sử dụng báo cáo và các thuyết minh này không được thiết kế cho những người không được biết về các nguyên tắc và các quy định của Thông tư 87 về việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính áp dụng cho các tổ chức kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam. Do đó, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

(b) Cơ sở số liệu tài chính

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập dựa trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

(c) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này.

(a) Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo quy định của Thông tư 87 như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng}}{\text{Tổng giá trị rủi ro}} \times 100\%$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường (Thuyết minh 3(c)), giá trị rủi ro thanh toán (Thuyết minh 3(d)) và giá trị rủi ro hoạt động (Thuyết minh 3(e)).

(b) Vốn khả dụng

Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng 90 ngày.

Vốn khả dụng được xác định theo quy định của Thông tư 87 được trình bày ở Thuyết minh số 4.

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh tăng thêm các khoản mục sau:

/// M.S.N

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo

- Năm mươi phần trăm (50%) phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật;
- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư, tài sản tài chính ghi theo giá trị ghi sổ không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty cũng như các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo;
- Trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi do Công ty phát hành có kỳ hạn ban đầu tối thiểu là năm (5) năm và đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; và
- Các công cụ nợ khác do Công ty phát hành có kỳ hạn ban đầu tối thiểu trên mười (10) năm và đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tổng giá trị các khoản được sử dụng để bổ sung vào vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (5) năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ 25% giá trị còn lại mỗi quý trong thời hạn bốn (4) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh giảm các khoản mục sau:

- Vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phiếu quỹ (nếu có);
- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật;
- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các khoản đầu tư, tài sản tài chính ghi theo giá trị ghi sổ không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty và chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo;
- Các tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày; và
- Các khoản ngoại trừ trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán (nếu có).

Khi xác định phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty điều chỉnh giảm bớt phần giá trị giảm trừ một khoản bằng giá trị nhỏ nhất của (giá trị thị trường của tài sản, giá trị sổ sách và giá trị còn lại của các nghĩa vụ) (đối với tài sản được dùng làm tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ của Công ty hoặc cho bên thứ ba) và giá trị nhỏ nhất của (giá trị thị trường của tài sản bảo đảm và giá trị sổ sách) (đối với tài sản được bảo đảm bằng tài sản của khách hàng).

(c) Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu và dự kiến sẽ sở hữu theo cam kết bảo lãnh phát hành biến động theo chiều hướng bất lợi. Giá trị rủi ro thị trường được xác định theo quy định của Thông tư 87 như sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thị trường} = \text{Vị thế ròng} \times \text{Giá tài sản} \times \text{Hệ số rủi ro thị trường}$$

Trong đó, vị thế ròng đối với một chứng khoán tại một thời điểm là số lượng chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ, sau khi đã điều chỉnh giảm số chứng khoán cho vay và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty không xác định giá trị rủi ro thị trường cho các chứng khoán, tài sản sau:

- Cổ phiếu quỹ;
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
 - Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty;
 - Là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của công ty mẹ của Công ty.
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo;
- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn.
- Chứng khoán đã được phòng ngừa rủi ro bởi chứng quyền bán hoặc hợp đồng tương lai; Chứng quyền bán và hợp đồng quyền bán được sử dụng để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECTSố 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018**Giá tài sản**

Giá tài sản được xác định theo nguyên tắc định giá chứng khoán được quy định tại Thông tư 87 như sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
1	Tiền (VND)	Số dư tài khoản tại ngày tính toán
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tính tại ngày tính toán
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tới ngày tính toán
4	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ được chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính đến ngày tính toán

Trái phiếu

5	Trái phiếu niêm yết	<p>Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán của giao dịch thông thường tại ngày giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế)</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; và + Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty, bao gồm cả lãi lũy kế. <p>Tức là: Max (Giá mua cộng lãi lũy kế; Mệnh giá cộng lãi lũy kế; Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế)</p>
6	Trái phiếu không niêm yết	<p>Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá do Công ty lựa chọn, cộng lãi lũy kế; + Giá mua cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; và + Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty, bao gồm cả lãi lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECTSố 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		<p>Tức là:</p> <p>Max (Giá yết (nếu có); Giá mua cộng lãi lũy kế; Mệnh giá cộng lãi lũy kế; Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế).</p>
Cổ phiếu		
7	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	<p>Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; + Giá mua; và + Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty. <p>Tức là:</p> <p>Max (Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ)</p>
8	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	<p>Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; + Giá mua; và + Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty. <p>Tức là:</p> <p>Max (Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ)</p>
9	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<p>Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; + Giá mua; và + Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty. <p>Tức là:</p> <p>Max (Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ)</p>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
10	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<p>Giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán không phải là bên liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán</p> <p>Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Giá từ các báo giá;+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất;+ Giá trị sổ sách;+ Giá mua; và+ Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty. <p>Tức là: Max (Giá từ các báo giá; Giá của kỳ báo cáo gần nhất; Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty)</p>
11	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Giá trị sổ sách;+ Mệnh giá; và+ Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty. <p>Tức là: Max (Giá trị sổ sách; Mệnh giá; Giá xác định theo phương pháp nội bộ)</p>
12	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>80% Giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất, hoặc giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty.</p>
13	Cổ phần, phần vốn góp khác	<p>Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Giá trị sổ sách;+ Giá mua/giá trị vốn góp; và+ Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty. <p>Tức là: Max (Giá trị sổ sách; Giá mua/giá trị vốn góp; Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty).</p>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Quý/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán		
14	Quý đóng đại chúng/Quỹ ETF	Giá đóng của của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày tính toán là: NAV/ICCCQ tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.
15	Quý thành viên/Quỹ mở/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ	Giá trị tài sản ròng NAV trên một đơn vị phần vốn góp/đơn vị chứng chỉ quỹ/cổ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.
16	Các trường hợp khác	Theo quy định nội bộ của Công ty.
Tài sản cố định		
17	Quyền sử dụng đất.	Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do Công ty lựa chọn.
18	Nhà cửa/vật kiến trúc bao gồm cả các hạng mục xây dựng cơ bản dở dang	Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do Công ty lựa chọn/Chi phí xây dựng cơ bản dở dang lũy kế.
19	Các trang thiết bị, máy móc, phương tiện...	Giá trị còn lại của tài sản.
20	Các tài sản cố định khác	Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do Công ty lựa chọn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Chứng khoán khác		
21	Chứng quyền có đảm bảo do tổ chức kinh doanh chứng khoán khác phát hành	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán Giá mua (nếu chứng quyền có bảo đảm chưa niêm yết).
22	Cổ phiếu niêm yết trên thị trường nước ngoài	Giá (theo đồng ngoại tệ) x tỷ giá chuyển đổi sang đồng tại ngày tính toán Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán; Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: + Giá trị sổ sách; + Giá mua; + Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty. Tức là: Max (Giá trị sổ sách, Giá mua, Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo

(ii) Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định của Thông tư 87 được trình bày ở Thuyết minh 5(a).

(iii) Giá trị rủi ro thị trường tăng thêm

Giá trị rủi ro thị trường của mỗi tài sản xác định theo quy định trên đây sẽ phải điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ 25% trở lên Vốn chủ sở hữu của Công ty.

Các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi của chứng khoán (nếu có) hoặc lãi cho vay của tiền gửi và các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng thêm vào giá trị tài sản khi xác định giá trị rủi ro thị trường.

(d) Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn theo cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

- Giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo nguyên tắc sau:

$$\text{Giá trị rủi ro trước thời hạn thanh toán} = \text{Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán}$$

Nguyên tắc xác định giá trị rủi ro trước thời hạn thanh toán trên đây được áp dụng cho các hợp đồng sau đây:

- Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác;
 - Hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà Công ty là tổ chức bảo lãnh phát hành chính; và
 - Các khoản phải thu trong hạn, các khoản phải thu cho khách hàng trong hoạt động môi giới bán chứng khoán.
- Đối với hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà Công ty là tổ chức bảo lãnh phát hành chính, giá trị rủi ro thanh toán được xác định bằng 30% giá trị còn lại của các hợp đồng bảo lãnh phát hành chưa được thanh toán.
 - Giá trị rủi ro thanh toán quá thời hạn thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECTSố 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo

$$\text{Giá trị rủi ro quá thời hạn thanh toán} = \text{Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán}$$

(i) Hệ số rủi ro thanh toán

Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được quy định tại Thông tư 87 như sau:

STT	Đối tác thanh toán cho Công ty	Hệ số rủi ro thanh toán
1	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Bộ Tài chính bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	0%
2	Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	0,8%
3	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,2%
4	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	4,8%
5	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6%
6	Các tổ chức, cá nhân khác	8%

Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian được quy định tại Thông tư 87 như sau:

STT	Thời gian quá hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	Hệ số rủi ro thanh toán
1	0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%
2	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%
3	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%
4	Từ 60 ngày trở đi	100%

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết), T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n ngày theo thỏa thuận của hai bên).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECTSố 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo

(ii) Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

- Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại:

STT	Loại hình giao dịch	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
1	Tiền gửi có kỳ hạn, khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm	Toàn bộ giá trị khoản cho vay, tiền gửi
2	Cho vay chứng khoán	Max {(Giá trị thị trường của Hợp đồng - Giá trị tài sản đảm bảo (nếu có)), 0}
3	Vay chứng khoán	Max {(Giá trị tài sản đảm bảo - Giá trị thị trường của Hợp đồng), 0}
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	Max {(Giá trị hợp đồng tính theo giá mua - Giá trị thị trường của Hợp đồng * (1 - Hệ số rủi ro thị trường)), 0}
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	Max {Giá trị thị trường của Hợp đồng * (1 - Hệ số rủi ro thị trường) - Giá trị hợp đồng tính theo giá bán}, 0}
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	Max {(Số dư nợ - Giá trị tài sản bảo đảm), 0}

Số dư nợ bao gồm giá trị khoản vay, lãi vay và các loại phí.

Giá trị tài sản đảm bảo được xác định theo giá thị trường. Trong trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không có giá tham khảo theo thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của Công ty.

- Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động giao dịch mua bán chứng khoán:

STT	Thời gian	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro
A. Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là Công ty hoặc khách hàng của Công ty trong hoạt động môi giới)		
1	Trước thời hạn nhận thanh toán	0
2	Sau thời hạn nhận thanh toán	Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp Giá trị thị trường thấp hơn Giá giao dịch) 0 (trong trường hợp Giá trị thị trường cao hơn Giá giao dịch)
B. Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là Công ty hoặc khách hàng của Công ty trong hoạt động môi giới)		
1	Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	0
2	Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	Giá trị thị trường của Hợp đồng (trong trường hợp Giá trị thị trường cao hơn Giá giao dịch) 0 (trong trường hợp Giá trị thị trường thấp hơn Giá giao dịch)

- Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán của các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn và các công cụ nợ đã đáo hạn là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).

11.01.18
R.A.
11/01/18

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo

(iii) Giảm trừ giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản bảo đảm của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
- Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản bảo đảm tính giảm trừ được xác định như sau:

$$\text{Giá trị tài sản bảo đảm} = \text{Khối lượng tài sản} \times \text{Giá tài sản} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường})$$

Giá tài sản được xác định theo nguyên tắc quy định của Thông tư 87 được trình bày ở Thuyết minh 3c(i).

Hệ số rủi ro thị trường được xác định theo quy định của Thông tư 87 được trình bày ở Thuyết minh 5(a).

(iv) Tăng thêm giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 10% đến 15% vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 15% đến 25% vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ trên 25% vốn chủ sở hữu của Công ty trở lên.

(v) Bù trừ rỗng song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được bù trừ rỗng song phương khi:

- Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch; và
- Việc bù trừ rỗng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo

(e) Giá trị rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định là giá trị lớn hơn của các giá trị sau: 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới ngày lập báo cáo và 20% Vốn pháp định theo quy định của pháp luật.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi:

- Chi phí khấu hao;
- Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn;
- Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn;
- Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi;
- Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác; và
- Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các tài sản dài hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECTSố 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo

4. Vốn khả dụng

STT	Nội dung	Vốn khả dụng tại ngày 30/6/2018		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
A.	Nguồn vốn chủ sở hữu			
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	2.204.301.690.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần, vốn khác không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	121.224.048.620		
3	Cổ phiếu quỹ	(48.819.484.743)		
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	-		
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-		
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	-		
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	69.196.036.758		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	39.894.309.755		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
10	Lợi nhuận chưa phân phối (i)	520.165.898.321		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	253.823.495.803		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính (ii)		88.209.525.826	14.866.080.833
16	Vốn khác	-		
1A	Tổng			3.086.442.549.521
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tài sản tài chính			
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECTSố 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo

STT	Nội dung	Vốn khả dụng tại ngày 30/6/2018		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
4	Các khoản cho vay			
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			
7	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)			
	Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		75.868.630.707	
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			-
10	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
11	Phải thu nội bộ			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
12	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECTSố 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo

STT	Nội dung	Vốn khả dụng tại ngày 30/6/2018		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
13	Các khoản phải thu khác			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		3.986.302.429	
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			
II	Tài sản ngắn hạn khác			
1	Tạm ứng			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			-
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ			-
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		6.820.253.174	
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		1.732.896.845	
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ			-
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			-
7	Tài sản ngắn hạn khác			-
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn			
1B	Tổng			88.408.083.155
C	Tài sản dài hạn			
I	Tài sản tài chính dài hạn			
1	Các khoản phải thu dài hạn			-
2	Các khoản đầu tư			
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
2.2	Đầu tư vào công ty con		110.000.000.000	
2.3	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		303.238.919.882	
2.4	Đầu tư dài hạn khác		7.500.000.000	
II	Tài sản cố định		51.276.850.856	
III	Bất động sản đầu tư			-
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		500.000.000	
V	Tài sản dài hạn khác			



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECTSố 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo

STT	Nội dung	Vốn khả dụng tại ngày 30/6/2018		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		-	
2	Chi phí trả trước dài hạn		4.615.208.250	
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		20.000.000.000	
5	Tài sản dài hạn khác		50.923.487.500	
VI	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn			
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ		-	
1C	Tổng		548.054.466.488	
D	Các khoản ký quỹ, đảm bảo			
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)		15.009.271.222	
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)		499.994.500	
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
2	Giá trị tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày		-	
1D	Tổng		15.509.265.722	
VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D			2.434.470.734.156	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECTSố 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo***(i) Lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật**

	30/6/2018 VND
Lợi nhuận chưa phân phối	567.792.842.988
Điều chỉnh cho chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ	(47.626.944.667)
	<u>520.165.898.321</u>

(ii) Giá trị tăng thêm và giảm trừ của chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính

Chi tiết giá trị tăng thêm và giảm trừ của chứng khoán tại khoản mục đầu tư tài chính được điều chỉnh vào vốn khả dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 như sau:

	Giá gốc (VND)	Giá thị trường (VND)	Chênh lệch (VND)
Giá trị tăng thêm			
Cổ phiếu niêm yết	71.479.787.458	85.562.741.850	14.082.954.392
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.216.855.059	2.999.981.500	783.126.441
	<u>73.696.642.517</u>	<u>88.562.723.350</u>	<u>14.866.080.833</u>
Giá trị giảm trừ			
Cổ phiếu niêm yết	136.141.012.064	117.149.585.110	(18.991.426.954)
Cổ phiếu chưa niêm yết	289.851.170.672	222.018.421.800	(67.832.748.872)
Chứng chỉ quỹ	50.500.000.000	49.114.650.000	(1.385.350.000)
	<u>476.492.182.736</u>	<u>388.282.656.910</u>	<u>(88.209.525.826)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECTSố 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo

5. Bảng tính giá trị rủi ro**(a) Giá trị rủi ro thị trường**

Các hạng mục đầu tư tại 30 tháng 6 năm 2018		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
		(1)	(2)	(3)=(1)*(2)
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			-
1.	Tiền	0%	-	-
2.	Các khoản tương đương tiền	0%	4.656.087.479.237	-
3.	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	-	-
II.	Trái phiếu Chính phủ			
4.	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5.	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định phiếu	3%	528.627.200.000	15.858.816.000
5.1	Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD	3%	528.627.200.000	15.858.816.000
III.	Trái phiếu doanh nghiệp			
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	2.000.000.000	200.000.000
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECTSố 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo

Các hạng mục đầu tư tại 30 tháng 6 năm 2018		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
		(1)	(2)	(3)=(1)*(2)
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	3.639.712.024	1.091.913.607
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-
IV	Cổ phiếu			
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	202.952.750.960	20.295.275.096
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	914.426.600	137.163.990
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	225.018.842.900	45.003.768.580
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	43.500.000.000	13.050.000.000
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	178.644.577.266	89.322.288.633
V	Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	919.700.000	91.970.000
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%	50.500.000.000	15.150.000.000
VI	Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%	-	-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	10.792.687	5.396.344
VII	Chứng khoán phái sinh			
17	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8%	-	-
18	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3%	-	-

12
V
H
O
T

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECTSố 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo

Các hạng mục đầu tư tại 30 tháng 6 năm 2018		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
		(1)	(2)	(3)=(1)*(2)
VIII	Chứng khoán khác			
19	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
20	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25%	-	-
21	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100%	-	-
22	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8%	-	-
23	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10%	-	-
24	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành		-	
25	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)			-
26	Phần chênh lệch giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm			-
IX	Rủi ro tăng thêm			
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	Trái phiếu chính phủ	20%	15.858.816.000	3.171.763.200
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)				203.378.355.450

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECTSố 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018**Giá trị rủi ro thanh toán**

I.	Rủi ro trước thời hạn thanh toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro (VND)
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
	Loại hình giao dịch							
	Hệ số rủi ro thanh toán	0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ các hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán	-	191.904.229.950	-	-	4.469.485.888.619	149.418.945.787	281.657.902.820
2.	Cho vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3.	Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4.	Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5.	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ cho khách hàng vay mua chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
7.	Các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác	-	-	-	-	-	-	-
8.	Các khoản phải thu khác	-	-	-	-	-	-	-
9.	Các tài sản ngắn hạn khác	-	-	-	-	-	-	-
	Tổng							281.657.902.820

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECTSố 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

II.	Rủi ro quá thời hạn thanh toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
	Thời gian quá hạn			
1.	0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%	-	-
2.	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%	-	-
3.	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%	-	-
4.	Từ 60 ngày trở đi	100%	-	-
	Tổng			-
III.	Rủi ro tăng thêm (nếu có) tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	Mức tăng thêm (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác			
1.	Tiền gửi kỳ hạn và lãi dự thu tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	30%	149.389.869.394	44.816.960.818
2.	Tiền gửi kỳ hạn và lãi dự thu tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	20%	28.295.801.595	5.659.160.319
3.	Tiền gửi kỳ hạn và lãi dự thu tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	20%	32.514.966.575	6.502.993.315
4.	Tiền gửi kỳ hạn và lãi dự thu tại Ngân hàng TNHH Indovina	10%	18.034.750.136	1.803.475.014
	Tổng			58.782.589.466
	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (I+II+III)			340.440.492.286

Chi tiết đối tác thanh toán cho công ty như sau:

- (1) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Bộ Tài chính bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- (2) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán;
- (3) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ở các nước thuộc khối OECD;
- (4) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ngoài các nước OECD;
- (5) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- (6) Giá trị rủi ro thanh toán đối với các tổ chức, cá nhân khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo

(c) **Giá trị rủi ro hoạt động**

STT	Chi tiêu	Giai đoạn từ 01/7/2017 đến 30/6/2018 VND
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh từ ngày 01 tháng 7 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018	953.914.710.966
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí hoạt động	81.647.102.329
1.	Chi phí khấu hao	19.307.753.813
2.	Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn	59.085.973.685
3.	Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	-
4.	Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	3.253.374.831
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	872.267.608.637
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	218.066.902.159
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	60.000.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})		218.066.902.159



Nguyễn Hà Ninh
Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hương
Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ



Phạm Minh Hương
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2018